

Ý ĐỊNH KHỞI NGHIỆP KINH DOANH CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC THÀNH ĐÔNG

● VŨ THỊ MAI DUYÊN

Khoa Kinh tế - Quản trị kinh doanh Trường Đại học Thành Đông

TÓM TẮT:

Mục đích nghiên cứu này là xác định các yếu tố chính ảnh hưởng đến ý định thành lập doanh nghiệp kinh doanh của sinh viên Đại học Thành Đông, thông qua việc xem xét một số yếu tố như: (1) kiến thức khởi nghiệp, (2) năng lực cá nhân, (3) nguồn vốn kinh doanh và (4) yếu tố môi trường. Nghiên cứu được thực hiện theo phương pháp khảo sát, sử dụng phương pháp thống kê mô tả với thiết kế nghiên cứu là toàn bộ sinh viên Trường Đại học Thành Đông năm thứ 2 khi tham gia học phần môn khởi nghiệp của Khoa Kinh tế - Quản trị kinh doanh.

Từ khóa: ý định khởi nghiệp, kiến thức khởi nghiệp, năng lực cá nhân, nguồn vốn kinh doanh, yếu tố môi trường, sinh viên, Trường Đại học Thành Đông.

1. Đặt vấn đề

Sự phát triển của nền kinh tế trong thời đại 4.0 ngày càng khuyến khích sinh viên bắt đầu khởi nghiệp. Với sự tiến bộ của khoa học công nghệ, sự bùng nổ kỷ nguyên số, công nghệ AI giúp sinh viên dễ dàng trong việc tiếp cận thông tin. Hiện nay, nhiều sinh viên đã tự thành lập doanh nghiệp riêng, với ngành nghề kinh doanh theo sở thích riêng hoặc do đam mê làm giàu... Cùng với đó có một nguyên nhân khác để sinh viên khởi nghiệp vì muốn áp dụng lý thuyết học được ở học phần Khởi nghiệp ở các trường đại học [2].

Sinh viên có thể tìm hiểu công việc kinh doanh của gia đình, hoặc ngoài giờ lên lớp có thể tìm hiểu để kinh doanh online một mặt hàng gì đó mà họ có thể mạnh. Ngày nay khi công nghệ phát triển, kinh doanh có thể thông qua mạng xã hội, nên điều này sẽ góp phần thúc đẩy sinh viên khởi nghiệp.

2. Cơ sở lý thuyết

Ý tưởng khởi nghiệp của sinh viên

Việc hiểu được các yếu tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên rất quan trọng để nâng cao chất lượng giảng dạy học phần khởi nghiệp

ở các trường đại học và bồi dưỡng thể hệ doanh nhân mới. Trong những năm gần đây, sinh viên ngày càng có nhiều ý định khởi nghiệp, đặc biệt là thông qua hình thức kinh doanh online. Việc ứng dụng nghệ thông tin và truyền thông (ICT) vào giáo dục kinh doanh có thể nâng cao đáng kể sự hiểu biết của sinh viên về kinh doanh. Thottoli cho rằng, sinh viên đều gặp phải những thách thức trong việc đọc hiểu các báo cáo tài chính. Tuy nhiên, nếu được hỗ trợ bởi ICT, sinh viên có thể nắm bắt tốt hơn về tài chính, làm tăng ý định khởi nghiệp.[3]

Sự phát triển trong trí tuệ nhân tạo (AI) mang lại tiềm năng chuyển đổi cho các vườn ươm hỗ trợ tư duy kinh doanh trong giáo dục. Thottoli và các đồng nghiệp cho rằng, AI có thể tự động hóa các kế hoạch phát triển kinh doanh và hợp lý hóa việc quản lý các khóa học. Các công nghệ như vậy cung cấp cho sinh viên các nguồn lực phù hợp để nâng cao trải nghiệm giáo dục. Khung giáo dục tự động hóa và được tăng cường công nghệ này không chỉ nuôi dưỡng sự sáng tạo mà còn trang bị cho sinh viên các công cụ cần thiết để khởi nghiệp hiệu quả. Các phát hiện thực nghiệm nhấn mạnh mối tương quan tích cực giữa giáo dục khởi nghiệp và ý định khởi nghiệp của sinh viên. Các nghiên cứu đã chỉ ra rằng, việc nâng cao kiến thức và tiếp xúc với tinh thần khởi nghiệp thúc đẩy đáng kể sự quan tâm của sinh viên đối với tinh thần khởi nghiệp.

Tóm lại, việc thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp thông qua môn khởi nghiệp trong các trường đại học là điều cần thiết để trang bị cho sinh viên các kỹ năng và tư duy để khởi nghiệp thành công. Sự tương tác giữa ICT, AI và học tập trải nghiệm tạo ra bầu không khí thuận lợi cho sự sáng tạo và ứng dụng thực tế các nguyên tắc khởi nghiệp. Các trường đại học phải tiếp tục điều chỉnh chương trình giảng dạy để đáp ứng nhu cầu thị trường đang thay đổi, đồng thời đảm bảo sinh viên được chuẩn bị kỹ lưỡng để bắt đầu hành trình khởi nghiệp của mình.

Kiến thức khởi nghiệp

Việc hiểu rõ các yếu tố tác động đến ý định khởi

ngiệp của sinh viên giữ vai trò quan trọng trong việc nâng cao chất lượng giáo dục khởi nghiệp và nuôi dưỡng thể hệ doanh nhân trẻ trong tương lai. Nhiều yếu tố góp phần hình thành ý định khởi nghiệp của sinh viên, trong đó đáng chú ý là kiến thức khởi nghiệp, tính sáng tạo và năng lực bản thân, ảnh hưởng từ môi trường xung quanh cũng như môi trường kinh doanh. Hutasuhut đã khẳng định, kiến thức khởi nghiệp làm gia tăng khả năng cá nhân thể hiện những hành vi liên quan đến khởi nghiệp. Theo khung lý thuyết này, khả năng kiểm soát hành vi và thái độ tích cực đối với tinh thần khởi nghiệp mà sinh viên nhận thức được sẽ dự báo mức độ hiệu quả trong ý định khởi nghiệp của họ. Điều này càng nhấn mạnh tầm quan trọng của việc đưa học phần khởi nghiệp vào chương trình đào tạo đại học. Không chỉ giúp sinh viên hiểu rõ hơn về hoạt động kinh doanh và những thách thức có thể gặp phải, giáo dục khởi nghiệp còn trang bị cho họ kiến thức, kỹ năng và sự tự tin cần thiết để biến ý tưởng khởi nghiệp thành hành động cụ thể trong thực tế [4].

Năng lực cá nhân

Bên cạnh yếu tố kiến thức khởi nghiệp, năng lực bản thân cũng được xác định là một trong những yếu tố quan trọng ảnh hưởng trực tiếp đến ý định khởi nghiệp của sinh viên. Nghiên cứu của Adatepe và Unlu đã nhấn mạnh, hiệu quả học tập có mối tương quan chặt chẽ với ý định khởi nghiệp ở sinh viên. Kết quả này cho thấy những sinh viên có niềm tin vững chắc vào năng lực của chính mình sẽ có nhiều khả năng chủ động theo đuổi các dự án khởi nghiệp hơn. Chính vì vậy, việc xây dựng một môi trường học đường năng động, tạo điều kiện cho sinh viên trải nghiệm thực tiễn, gặt hái thành công và được hỗ trợ đúng lúc có vai trò quan trọng trong việc củng cố hiệu quả bản thân. Điều này không chỉ giúp sinh viên mạnh dạn biến ý tưởng thành hành động mà còn tạo động lực cho họ kiên trì theo đuổi con đường khởi nghiệp.[5]

Nguồn vốn kinh doanh

Hầu hết các doanh nhân trẻ đều sử dụng tài trợ của cha mẹ và anh em, bạn bè trong giai đoạn đầu khởi nghiệp, đây là nguồn tài chính quan trọng

nhất. Nguồn vốn có ảnh hưởng đáng kể đến ý định khởi nghiệp kinh doanh của sinh viên [1].

Yếu tố môi trường

Các yếu tố thuộc về môi trường kinh tế và chính sách vĩ mô cũng tác động trực tiếp đến ý định khởi nghiệp. Điều kiện kinh tế địa phương thuận lợi cùng với các chính sách hỗ trợ tích cực từ phía chính phủ có thể trở thành bệ đỡ cho những nỗ lực khởi nghiệp của sinh viên; ngược lại, những hạn chế về mặt chính sách hay sự thiếu đồng bộ trong môi trường kinh doanh có thể là rào cản lớn cho ý định khởi nghiệp.

Tóm lại, ý định khởi nghiệp của sinh viên là kết quả của sự tương tác phức tạp giữa nhiều yếu tố, từ kiến thức khởi nghiệp, năng lực cá nhân, nguồn vốn kinh doanh, các yếu tố môi trường bên ngoài như môi trường kinh doanh, môi trường xã hội. Chính vì vậy, để chuẩn bị tốt nhất cho sinh viên trên con đường khởi nghiệp, các trường đại học cần tập trung phát triển những chương trình đào tạo toàn diện, hướng tới việc trang bị đầy đủ kiến thức chuyên môn, bồi dưỡng sự tự tin và tính sáng tạo, đồng thời xây dựng các mạng lưới hỗ trợ

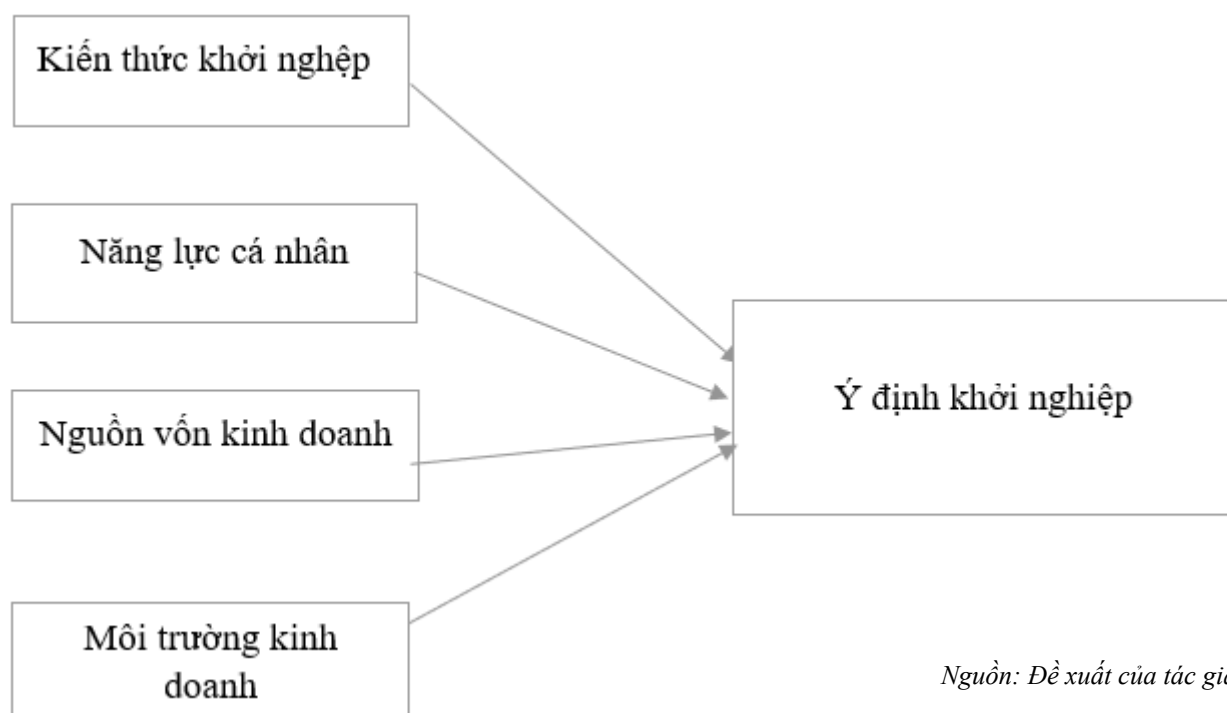
manh mẽ giữa nhà trường, doanh nghiệp và cộng đồng khởi nghiệp. Có như vậy, sinh viên mới thực sự được tạo điều kiện để biến ý tưởng thành hành động và từng bước hiện thực hóa ước mơ khởi nghiệp của mình.

3. Phương pháp nghiên cứu

Tổng số quan sát mẫu của nghiên cứu là 333. Đối tượng nghiên cứu là sinh viên năm nhất và năm hai thuộc Khoa Kinh tế và Quản trị Kinh doanh, Trường Đại học Thành Đông. Đây là điểm mới và khác biệt so với các nghiên cứu trước đây thường chỉ tập trung vào đối tượng sinh viên là năm cuối. Phương pháp chọn mẫu thuận tiện được áp dụng dựa trên bảng câu hỏi phỏng vấn soạn sẵn.

Dựa trên tài liệu tham khảo các nghiên cứu trước, tác giả đề xuất gồm 21 biến quan sát, bao gồm: kiến thức khởi nghiệp, năng lực bản thân, ảnh hưởng của môi trường gia đình và xã hội, tính sáng tạo, môi trường kinh doanh và nguồn vốn kinh doanh. Thang đo Likert 5 mức độ được sử dụng để đánh giá với 1 là “hoàn toàn không đồng ý” cho đến 5 là “hoàn toàn đồng ý”. Thang đo biến phụ thuộc - ý định khởi nghiệp - được

Hình 1: Mô hình đo lường ý định khởi nghiệp kinh doanh của sinh viên trường Đại học Thành Đông



Nguồn: Đề xuất của tác giả

kế thừa từ nghiên cứu của Linan và Chen (2009). Thực hiện kiểm định Bartlett's về sự tương quan của các biến quan sát cho thấy giá trị mức ý nghĩa thống kê luôn thấp hơn 5% ($\text{Sig.} = 0,000 < 0,05$), điều này chứng tỏ các biến có liên quan chặt chẽ với nhau. Kiểm định tính thích hợp của mô hình luôn cho giá trị KMO nằm trong khoảng cho phép từ 0,5 đến 1,0. Hai phương pháp định lượng được sử dụng, đó là phân tích nhân tố khám phá (EFA) và mô hình hồi quy nhị phân Binary Logistic. Sau khi thực hiện phân tích nhân tố khám phá EFA và dựa trên điểm số nhân tố (factor scores) của các

biến được rút gọn, các biến này tiếp tục được đưa vào mô hình phân tích hồi quy nhị phân (binary logistic) để phân tích về ý định khởi nghiệp. (Hình 1)

Kết quả kiểm định Cronbach's Alpha

Để xác định mức độ ảnh hưởng của các nhân tố đến ý định khởi nghiệp của sinh viên năm 1 và năm 2 khoa Kinh tế và Quản trị Kinh doanh, Trường Đại học Thành Đông, mô hình hồi quy tuyến tính được sử dụng xác định mức độ tác động của 4 nhân tố được rút ra từ phân tích nhân tố khám phá đến ý định khởi nghiệp.

Bảng 1. Kết quả phân tích EFA các biến độc lập

Rotated Component Matrix^a

	Component				
	1	2	3	4	5
NL6	.876				
NL7	.874				
NL4	.874				
NL5	.874				
NL1	.874				
NL2	.872				
NL3	.871				
MT5		.871			
MT1		.870			
MT3		.868			
MT6		.867			
MT4		.867			
MT2		.867			
KT4			.852		
KT1			.852		
KT2			.851		
KT3			.848		
NV2				.854	
NV4				.853	
NV1				.853	
NV3				.849	
YD2					.819
YD3					.818
YD1					.816

Extraction Method: Principal Component Analysis.

Rotation Method: Varimax with Kaiser Normalization.

a. Rotation converged in 6 iterations.

Nguồn: Kết quả phân tích SPSS

Bảng 2. Đánh giá sự phù hợp của mô hình nghiên cứu**Model Summary^b**

Model	R	R Square	Adjusted R Square	Std. Error of the Estimate	Change Statistics					Durbin-Watson
					R Square Change	F Change	df1	df2	Sig. F Change	
1	.711 ^a	.506	.505	.665	.506	1010.785	4	3949	.000	1.998

a. Predictors: (Constant), MT, KT, NL, NV

b. Dependent Variable: YD

Nguồn: Kết quả phân tích SPSS

Bảng 3. Kết quả phân tích hồi quy**Coefficients^a**

Model	Unstandardized Coefficients		Standardized Coefficients	t	Sig.	Correlations			Collinearity Statistics	
	B	Std. Error	Beta			Zero-order	Partial	Part	Tolerance	VIF
(Constant)	.386	.042		9.087	.000					
1 NL	.219	.015	.215	14.290	.000	.582	.222	.160	.554	1.807
KT	.237	.015	.237	15.718	.000	.592	.243	.176	.551	1.814
NV	.190	.015	.189	12.533	.000	.572	.196	.140	.549	1.821
MT	.228	.015	.225	14.917	.000	.588	.231	.167	.548	1.824

a. Dependent Variable: YD

Nguồn: Kết quả phân tích SPSS

Bên cạnh đó, kết quả kiểm định độ tin cậy của thang đo ý định khởi nghiệp cho thấy hệ số Cronbach's Alpha bằng 0,968 ($> 0,7$), hệ số tương quan biến - tổng của các biến đo lường đều lớn hơn 0,3 và khi xem xét hệ số Cronbach's Alpha nếu loại biến cũng không có trường hợp nào làm cho độ tin cậy của thang đo tăng lên. Từ đó chứng tỏ thang đo này có ý nghĩa và các biến đo lường có độ tin cậy trong việc đo lường ý định khởi nghiệp.

Phân tích nhân tố khám phá (EFA)

Phân tích nhân tố khám phá đòi hỏi phải thỏa mãn một số điều kiện, trong đó hệ số KMO là

chỉ tiêu dùng để xem xét sự thích hợp của phân tích nhân tố phải đạt giữa 0,5 và 1,0 thì phân tích nhân tố mới thích hợp (Hoàng Trọng & Chu Nguyễn Mộng Ngọc, 2008); các biến có hệ số truyền tải nhỏ hơn 0,5 sẽ bị loại đồng thời tổng phương sai trích phải đạt hơn 50% [6]. (Bảng 1, Bảng 2, Bảng 3)

4. Kết luận và đề xuất

Nghiên cứu tập trung xác định các yếu tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên khoa Kinh tế - Quản trị kinh doanh tại Đại học Thành Đông. Nghiên cứu này kế thừa và bổ sung từ các

kết quả của các nghiên cứu khác nhau trước đây. Kết quả nghiên cứu cho thấy có 4 nhân tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên, đó là (1) Kiến thức khởi nghiệp, (2) Năng lực cá nhân, (3) Nguồn vốn kinh doanh, (4) Yếu tố môi trường. Từ kết quả nghiên cứu, giả đề xuất một số khuyến nghị nhằm nâng cao ý định khởi nghiệp của sinh viên khoa Kinh tế - Quản trị kinh doanh, Trường Đại học Thành Đông như sau:

Kết quả phân tích hồi quy tuyến tính cho thấy cả mô hình đều có hệ số Sig. nhỏ hơn rất nhiều so với mức ý nghĩa $\alpha = 5\%$ nên mô hình hồi quy có ý nghĩa. Bảng Model Summary cho chúng ta kết quả R bình phương (R Square) và R bình phương hiệu chỉnh (Adjusted R Square) để đánh giá mức độ phù hợp của mô hình. Giá trị R bình phương hiệu chỉnh bằng 0,506 cho thấy các biến độc lập đưa vào phân tích hồi quy ảnh hưởng 50,6% sự biến thiên của biến phụ thuộc, còn lại 49,4% là do các biến ngoài mô hình và sai số ngẫu nhiên. Hệ số Durbin – Watson của mô hình là 1,998 nằm trong khoảng 1,5 đến 2,5 nên kết quả không vi phạm giả định tự tương quan chuỗi bậc nhất (Hoàng Trọng và Chu Nguyễn Mộng Ngọc, 2008) [6]

Dựa vào bảng hồi quy từ mô hình ở trên (Bảng 3), kết luận rằng có 4 biến có ý nghĩa thống kê. Trong đó, trong số 4 biến chính bao gồm NL (Năng lực cá nhân), KT (Kiến thức khởi nghiệp), NV (Nguồn vốn kinh doanh), MT (Yếu tố môi trường). Trong đó, KT (Kiến thức khởi nghiệp) có ảnh hưởng nhiều nhất đến YD (Ý định khởi nghiệp) của sinh viên vì có hệ số β cao nhất ($\beta = 0,237$, Sig. bằng 0,000); tiếp theo là biến MT (Yếu

tố môi trường) ($\beta = 0,228$, Sig. bằng 0,000); tiếp theo là biến NL (Năng lực cá nhân) ($\beta = 0,219$, Sig. bằng 0,000) và cuối cùng là biến NV (Nguồn vốn kinh doanh) ($\beta = 0,190$, Sig. bằng 0,000). Cụ thể về sự tác động của các nhân tố này đến ý định khởi nghiệp của sinh viên như sau:

Biến KT (Kiến thức khởi nghiệp) có hệ số β dương cho thấy nếu sinh viên có kiến thức vững về khởi nghiệp thì biến YD (Ý định khởi nghiệp) càng tích cực, tức là càng có nhiều sự yêu thích, hứng thú đối với khởi nghiệp và mong muốn đạt được hiệu quả cao trong công việc thì ý định khởi nghiệp của sinh viên sẽ càng cao. Tương tự, biến NL (Năng lực cá nhân), NV (Nguồn vốn kinh doanh), MT (Yếu tố môi trường).

Một vài hạn chế trong kết quả nghiên cứu sẽ là cơ sở cho đề xuất hướng nghiên cứu tiếp theo trong tương lai. *Thứ nhất*, do hạn chế về thời gian và kinh phí nên nghiên cứu này chỉ tiến hành với cỡ mẫu thực tế là 333, các nghiên cứu trong tương lai có thể tăng số quan sát mẫu dựa vào tỷ lệ sinh viên của khoa Kinh tế - Quản trị kinh doanh cũng như sinh viên năm 3 và năm 4 để có sự so sánh sự khác biệt với ý định khởi nghiệp của sinh viên năm 1 và năm 2. *Thứ hai*, trong số các nhân tố có ảnh hưởng đến Ý định khởi nghiệp của sinh viên như đã được đề cập trong mô hình còn nhiều nhân tố khác chẳng hạn như các nhân tố thuộc về kinh nghiệm, trải nghiệm cá nhân hay nhận thức kiểm soát hành vi có ảnh hưởng đến Ý định khởi nghiệp mà đề tài chưa tập trung làm rõ. Các nghiên cứu trong tương lai nên xem xét đến ảnh hưởng của những nhân tố này■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

- Le, Q. (2007). “Nghiên cứu quá trình quyết định khởi nghiệp của doanh nhân trẻ Việt Nam-thành phố Hồ Chí Minh [Researching the process of starting a business decision of young Vietnamese entrepreneurs-Ho Chi Minh City].” *Tạp chí Phát triển kinh tế* 7(201): 1859-1116.
- Hidayat, H., et al. (2018). “Designing of technopreneurship scientific learning framework in vocational-based higher education in Indonesia.” *International Journal of Engineering and Technology (UAE)* 7(4): 123-127.
- Ahmed, E. R., et al. (2019). “An examination of social media role in entrepreneurial intention among accounting students: a SEM study.” *Journal of Modern Accounting and Auditing* 15(12): 577-589.

Hutasuhut, S. (2018). "The roles of entrepreneurship knowledge, self-efficacy, family, education, and gender on entrepreneurial intention." *Dinamika Pendidikan* **13**(1): 90-105.

Adatepe, E. and Y. Unlu (2022). "Impact of Academic Self-Efficacy on Entrepreneurial Intention of Faculty of Sport Sciences' Students: Bayburt University." *Asian Journal of Education and Training* **8**(4): 100-105.

Hoàng Trọng và Chu Nguyễn Mộng Ngọc, 2008. Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS. Hà Nội: Nhà xuất bản Hồng Đức.

Ngày nhận bài: 8/2/2025

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 23/2/2025

Ngày chấp nhận đăng bài: 10/3/2025

ENTREPRENEURIAL INTENTIONS AMONG STUDENTS OF THANH DONG UNIVERSITY

● VU THI MAI DUYEN

Faculty of Economics and Business Administration, Thanh Dong University

ABSTRACT:

This study investigates the determinants of entrepreneurial intentions among students at Thanh Dong University. Specifically, it examines the influence of four critical factors: (1) entrepreneurial knowledge, (2) individual competency, (3) access to financial capital, and (4) environmental conditions. The research adopts a quantitative survey methodology, targeting second-year students enrolled in the Entrepreneurship course offered by the Faculty of Economics and Business Administration. Descriptive statistical methods are employed to analyze the collected data. The results offer insights into how educational, personal, and contextual variables shape students' motivations to engage in entrepreneurial activities. This study contributes to the broader discourse on youth entrepreneurship in higher education, and provides practical implications for educators and policymakers aiming to foster entrepreneurial ecosystems within academic institutions.

Keywords: entrepreneurial intention, entrepreneurial education, personal competency, startup capital, environmental factors, higher education, Thanh Dong University.